

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CB, TỈNH CB

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Thư ký phiên họp: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CB tham gia phiên họp:
Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CB, tỉnh CB, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-VDS ngày 28/4/2023 về việc "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2023/QĐST-VDS ngày 29 tháng 7 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phạm Thu H - Chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh CB; Đơn vị công tác: Cục thi hành án dân sự tỉnh CB, địa chỉ: Tổ 07, phường Đề Thám, thành phố CB, tỉnh CB. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nông Thanh T; sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Chị Lưu Thị T; sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 03 phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB. Có mặt.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam Tiến – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

Đại diện theo ủy quyền: bà Lưu Bích T– Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh CB.

Người được ủy quyền lại: Bà Giáp Thị L– Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh CB. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị Ph; Sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh CB. Có mặt.

2. Bà Nông Thị Th; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh CB. Vắng mặt.

3. Bà Nông Thị Thu Tr; Sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh CB. Vắng mặt.

4. Ông Lưu Gia V; Sinh năm 1953; Địa chỉ: SN 031, tổ 07, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 25/4/2023, người yêu cầu bà Phạm Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung như sau:

Bà Phạm Thu H là Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh CB, được phân công tổ chức thi hành quyết định thi hành án chủ động số 37/QĐ-CTHADS ngày 11/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh CB đối với người phải thi hành án Nông Thanh T, sinh ngày 16/02/1981, địa chỉ: tổ 3, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB.

Theo Bản án số 82/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh CB đã có hiệu lực pháp luật, quyết định thi hành án chủ động số 37/QĐ-CTHADS ngày 11/11/2022: anh Nông Thanh T, sinh ngày 16/02/1981, địa chỉ: tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB, hiện đang chấp hành án Trại tạm giam Công an tỉnh CB phải thi hành các khoản: án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, truy thu 773.500.000đ, tịch thu phát mại 01 (một) phong bì niêm phong: mặt trước ghi “điện thoại IPHONE của Nông Thanh T”, mặt sau có chữ ký của Nông Thanh T.

Qua các biện pháp nghiệp vụ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh CB đã thu được khoản án phí 200.000đ, khấu trừ tiền trong tài khoản thu được 1.800.000đ.

Anh Nông Thanh T còn phải thi hành khoản truy thu số tiền: 771.700.000đ (*Bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của anh Nông Thanh T. Kết quả xác minh cho thấy: anh Nông Thanh T không có tài sản nào khác ngoài quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số MB07, địa chỉ thửa đất: khu dân cư Công ty Cổ phần Giao thông I, phường Sông Hiến, thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB, diện tích 88,0m² đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH054470 ngày 12/6/2007 mang tên anh Nông Thanh T sinh và chị Lưu Thị T.

Do đó, chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của anh Nông Thanh T trong khối tài sản chung vợ chồng, cụ thể là: (1) Quyền sử dụng đất: diện tích 88,0m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH054470, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01520 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB cấp ngày 12/6/2007 mang tên anh Nông Thanh T và chị Lưu Thị T; (2) Tài sản trên đất: 01 (một) nhà xây 05 tầng kiên cố được xây dựng trên diện tích đất diện tích 88,0m² đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH054470, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01520 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB cấp ngày 12/6/2007.

Lý do, mục đích yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự: Sau khi xác định được phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của anh Nông Thanh T, cơ quan thi hành án sẽ tiến hành các thủ tục kê biên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị T trình bày:

Nhà và đất có được là do tiền của bố mẹ chị Tr và bố mẹ anh T góp, đây không phải là tài sản do hai vợ chồng làm được. Do đó chị Tr đề nghị Tòa án xác minh làm rõ nguồn gốc hình thành tài sản để giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Năm 2009, hệ số lương của chị Tr và anh T là 2,6. Đến năm 2011 xây nhà thì hệ số lương của anh chị là 3,0. Lương của vợ chồng anh chị tại thời điểm xây nhà chỉ đủ ăn và nuôi con, không có tiền để nhận chuyển nhượng đất và xây nhà.

Thửa đất trên gia đình chị nhận chuyển nhượng năm 2009 với giá 140.000.000 đồng, số tiền này là do bố mẹ chị Tr và bố mẹ anh T cùng nhau góp. Mỗi bên góp bao nhiêu chị không nhớ chính xác.

Quá trình xây dựng nhà, bố đẻ của chị Tr đưa tiền cho rất nhiều lần với tổng số tiền khoảng 1.100.000.000 đồng, anh trai chị Tr là anh Lưu Minh Quân cũng mua vật liệu xây dựng cho để hoàn thiện nhà hết hơn 300.000.000 đồng.

Chị Tr đề nghị giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tr vì hơn 02 năm nay, kể từ khi anh T bị tạm giam và đi chấp hành án, chị Tr phải một mình nuôi con và mỗi tháng phải tự mình Tr trả trả Ngân hàng hơn 20.000.000 đồng, trong đó bao gồm cả phần nợ của anh T.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Thanh T trình bày: Nhà và đất tại tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB có nguồn gốc do bố mẹ anh T và bố mẹ chị Tr cho tiền để mua và xây dựng. Hiện nay anh và chị Tr chỉ đang đứng tên thay bố mẹ quản lý chứ không phải tài sản do anh và chị Tr làm ra, do đó, anh không nhất trí việc kê biên tài sản.

Quá trình giải quyết việc dân sự, bà Giáp Thị L- Người được ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trình bày:

Ngày 01/06/2021, anh Nông Thanh T và chị Lưu Thị T đến ký kết hồ sơ vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh CB, có địa chỉ tại: Số 040 phố Kim Đồng, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2502021383 ngày 01/06/2021, với nội dung hợp đồng như sau:

- Số tiền vay ban đầu: 1.400.000.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Thời hạn vay: 180 tháng (kể từ ngày 02/06/2021 đến ngày 01/06/2036).

- Kỳ trả nợ: Ngày 22 hàng tháng.

- Mục đích vay: Thanh toán tiền sửa nhà.

- Lãi suất vay: 13.4 %/năm.

- Tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 054470 do Ủy ban nhân dân thị xã CB, tỉnh CB cấp ngày 12/06/2007, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01520 theo hợp đồng thế chấp số HĐTC250202181 ngày 01/06/2021.

Dư nợ đến ngày 17/8/2023 là: nợ gốc 1.169.554.000 đồng, lãi dự thu đến ngày 17/8/2023 là: 11.593.004 đồng.

Trong suốt thời gian vay vốn, anh T và chị Tr trả nợ đúng theo hợp đồng tín dụng, không có vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thi hành án Ngân hàng đề nghị sẽ được ưu tiên thu hồi toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của anh Nông Thanh T và chị Lưu Thị T trước khi thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Người làm chứng bà Hoàng Thị Ph trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của chị Tr. Khi vợ chồng chị Tr nhận chuyển nhượng đất gia đình bà có đóng góp cùng gia đình bên ngoại (bố mẹ chị Tr). Còn số tiền xây nhà là của gia đình chị Tr cho vợ chồng chị Tr xây dựng. Bà yêu cầu xác định phần của chị Tr nhiều hơn.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Người làm chứng ông Lưu Gia V trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của chị Tr. Ông xác nhận thời điểm xây nhà ông đã cho chị Tr số tiền 1.100.000.000 đồng để xây nhà. Ông yêu cầu xác định phần của chị Tr nhiều hơn.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/06/2023 xác định:

Thửa đất số 05, tờ bản đồ MB07, địa chỉ: Khu dân cư Công ty CP Giao thông I, phường Sông Hiến, thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 054470 cấp ngày 12/06/2007 mang tên hộ ông Lục Văn Sơn và Hoàng Thị Cầu, ngày 18/11/2009 được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố CB, tỉnh CB xác nhận nội dung thay đổi: chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nông Thanh T chị Lưu Thị T. Có diện tích thực tế theo kết quả đo vẽ là 96,2m².

Tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà 05 tầng móng bê tông cốt thép, khung bê tông cốt thép chịu lực có bể tự hoại, cầu thang từ tầng 1 lên đến tầng 5, mặt bậc ốp đá granit, lan can tay vịn bằng gỗ.

Tầng 01, 02 tường xây gạch chỉ 220, có trát, sơn tường, điện chìm, cửa gỗ + nhôm kính, nền lát gạch ceramic, công trình vệ sinh khép kín. Tầng 03, 04 tường xây gạch chỉ 110, có trát, sơn tường, điện chìm, cửa gỗ + nhôm kính, nền lát gạch ceramic, công trình vệ sinh khép kín. Tầng 05 tường xây gạch chỉ 110, có trát, sơn tường, điện chìm, sàn mái không đổ bên tông cốt thép, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn thường, nền lát gạch ceramic, cửa gỗ + cửa sắt, không có công trình vệ sinh khép kín.

Tại phiên họp, các bên đương sự vẫn bảo lưu ý kiến. Ông Văn và bà Phương đều đề nghị chia cho chị Tr phần nhiều hơn anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CB tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chấp hành viên Phạm Thu H. Xác định thửa đất số 132, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB và ngôi nhà 05 tầng xây dựng trên thửa đất là tài sản chung của anh Nông Thanh T và chị Lưu Thị T. Đề nghị xác định chị Lưu Thị T được 2/3 khối tài sản chung, anh Nông Thanh T được 1/3 khối tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố CB nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chấp hành viên Phạm Thu H có đơn yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh Nông Thanh T trong khối tài sản chung với chị Lưu Thị T là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 30, có địa chỉ tại tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB (sau đây gọi là Thửa đất số 132) và 01 ngôi nhà 05 tầng xây dựng trên thửa đất để thi hành án. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CB theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của Chấp hành viên:

Căn cứ lời trình bày của chị Tr, anh T, ông Văn, bà Phương trong quá trình giải quyết việc dân sự và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố CB cung cấp cho Tòa án, Thửa đất số 132 có nguồn gốc do anh T chị Tr nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị Cầu ông Lục Văn Sơn với giá 140.000.000 đồng. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh Hùng và chị Tr lương đều thấp và phải nuôi con nhỏ nên không có tiền để nhận chuyển nhượng. Số tiền nhận chuyển nhượng thửa đất này là do bố mẹ hai bên gia đình cho.

Sau khi được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T và chị Tr đã xây ngôi nhà 05 tầng trên Thửa đất số 132. Số tiền xây nhà là do ông Văn (bố chị Tr) và anh Quân (anh trai chị Tr) cho.

Do đó, cần xác định việc gia đình 02 bên cho anh T chị Tr tiền nhận chuyển nhượng đất và xây nhà là giao dịch tặng cho tài sản. Thửa đất số 132 và ngôi nhà 5 tầng trên đất là tài sản chung vợ chồng của anh T và chị Tr.

Theo Bản án số 82/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh CB, anh Nông Thanh T phải thi hành các khoản: án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, truy thu 773.500.000đ, tịch thu phát mại 01 (một) phong bì niêm

phong: mặt trước ghi “điện thoại IPHONE của Nông Thanh T”, mặt sau có chữ ký của Nông Thanh T. Cục Thi hành án dân sự tỉnh CB đã thu được khoản án phí 200.000đ, khấu trừ tiền trong tài khoản thu được 1.800.000đ. Anh Nông Thanh T còn phải thi hành khoản truy thu số tiền: 771.700.000đ (*Bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Anh Nông Thanh T không tự nguyện thi hành Bản án số 82/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh CB nên Chấp hành viên Phạm Thu H yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh Nông Thanh T trong khối tài sản chung với chị Lưu Thị T là Thừa đất số 132 và 01 ngôi nhà 05 tầng xây dựng trên thửa đất để thi hành án là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

Xét công sức đóng góp: Khi anh T chị Tr nhận chuyển nhượng đất và xây nhà, gia đình chị Tr có đóng góp nhiều hơn, đồng thời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp bà Phương (mẹ đẻ anh T) và các em của anh T đều đề nghị xác định phần của chị Tr nhiều hơn, do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xác định phần của chị Tr nhiều hơn.

Về giá trị tài sản: Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án dân sự sẽ tiến hành kê biên tài sản. Ngay khi kê biên sẽ cho đương sự thỏa thuận về giá tài sản hoặc về lựa chọn tổ chức thẩm định giá. Trường hợp đương sự không thỏa thuận được về giá và không thỏa thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên sẽ ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trên địa bàn nơi có tài sản theo quy định tại Điều 98 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) để định giá tài sản. Do đó, giá trị tài sản sẽ được xác định trong quá trình thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Do chị Tr anh T thế chấp nhà đất trên để vay Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt nên khi cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản sẽ ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng trước khi thanh toán các khoản khác theo quy định tại khoản 3, Điều 47 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 4.776.000 đồng. Tại phiên họp chấp hành viên Phạm Thu H và chị Lưu Thị T thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó chấp hành viên Phạm Thu H và chị Lưu Thị T mỗi người phải chịu số tiền là 2.388.000 đồng.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 9 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm n Khoản 2 Điều 39, Điều 157, Khoản 2 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thu H – Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh CB. Xác định thửa đất số 05, tờ bản đồ MB07, địa chỉ: Khu dân cư Công ty CP Giao thông I, phường Sông Hiến, thị xã (nay là thành phố) CB, tỉnh CB (bản đồ địa chính năm 1995), nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tổ 03, phường Sông Hiến, thành phố CB, tỉnh CB (bản đồ địa chính năm 2015), có diện tích là 88m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 054470 cấp ngày 12/06/2007 mang tên hộ ông Lục Văn Sơn và Hoàng Thị Cầu, ngày 18/11/2009 được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố CB, tỉnh CB xác nhận nội dung thay đổi: ông Nông Thanh T, bà Lưu Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; diện tích theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2023 là 96,2 m² và ngôi nhà 05 tầng xây trên thửa đất này là tài sản chung của anh Nông Thanh T và chị Lưu Thị T. Trong đó phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của anh Nông Thanh T được xác định bằng 1/3 giá trị tài sản nêu trên.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của chấp hành viên Phạm Thu H và chị Lưu Thị T về việc mỗi bên chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.388.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng). Xác nhận chấp hành viên Phạm Thu H đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nay chị Lưu Thị T phải hoàn lại cho chấp hành viên Phạm Thu H số tiền là 2.388.000 đồng (hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Phạm Thu H được miễn lệ phí theo quy định.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục THADS TPCB;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đinh Thị Hoài Phương